TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM HÀ** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/DS-ST
Ngày: 10/9/2019
"V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM HÀ, TỈNH QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Việt Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Đông
2. Ông Nguyễn Văn Hải

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Thịnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Hà, tỉnh Quảng Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Hà, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên toà: Bà Vũ Đức Hạnh Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2019 tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện Đầm Hà, tỉnh Quảng Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 01/2019/TLST- DS, ngày 02 tháng 01 năm 2019 về việc *"Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXX-DS ngày 01 tháng 7 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2019/QĐST- DS ngày 30/7/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2019/ QĐST- DS ngày 22/8/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1958.

Trú tại: Số nhà 14, phố H, thị trấn Đ, huyện Đ H, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Chiến Tr, sinh năm 1979. Trú tại: Phường Tr, thành phố M C, tỉnh Quảng Ninh (theo văn bản ủy quyền lập ngày 09/01/2019 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ H, tỉnh Quảng Ninh). Có mặt.

Bị đơn: 1. Ông Trần Bá Th, sinh năm 1972

2. Bà Hà Thị T, sinh năm 1971. Có mặt

Cùng trú tại: Thôn A, xã Q, huyện Đ H, tỉnh Quảng Ninh.

Ông Trần Bá Th đã ủy quyền cho bà Hà Thị T (văn bản ủy quyền được lập ngày 12/3/2019 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Đ H, tỉnh Quảng Ninh).

Người làm chứng:

1. Bà Lê Thị Vinh, sinh năm 1957. Trú tại: Số nhà 162, phố H, thị trấn Đ, huyện Đ H, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

2. Ông La Quý Hải sinh năm 1956. Trú tại: Số nhà 14, phố H, thị trấn Đ, huyện Đ H, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/11/2018, bản tự khai và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Y và người đại diện theo ủy quyền - ông Lê Chiến Tr trình bày:

Từ năm 2009 đến năm 2015, giữa bà Y và vợ chồng ông Trần Bá Th, bà Hà Thị T có mua bán vật liệu xây dựng (Xi măng, sắt, thép và một số đồ nhỏ lẻ khác) với nhau. Việc mua bán được tiến hành nhiều lần, có lần vợ chồng ông Th, bà T trực tiếp đến mua, có lần thông qua điện thoại hoặc người chở hàng của vợ chồng ông Th bà ầm . Việc thanh toán có lần trả tiền mặt, có lần thì nợ lại và có ký sổ nợ cho bà Y. Việc thanh toán tiền mua vật liệu nói trên cũng được vợ chồng Th, T thanh toán làm nhiều lần.

Ngày 28/6/2015, bà Y và bà T tiến hành cộng sổ để chốt nợ lần cuối số tiền hai vợ chồng bà T (Ông Trần Bá Th, bà Hà Thị T) đã mua vật liệu xây dựng chưa thanh toán là 278.775.600đ. Sau đó đến ngày 22/6/2016 và ngày 22/8/2016, vợ chồng bà T đã chuyển khoản trả tiền cho bà Y tổng số tiền là 100.000.000đ. Số tiền vợ chồng bà T mua vật liệu xây dựng còn nợ chưa thanh toán cho bà Y là 178.775.600đ.

Nhiều lần bà Y yêu cầu vợ chồng bà T trả số tiền mua bán vật liệu xây dựng còn nợ nhưng vợ chồng bà T đều khất lần và lẩn tránh.

Ngày 22/5/2018, bà Y đã gửi thư cho vợ chồng bà T với nội dung yêu cầu vợ chồng bà T phải trả hết số tiền nợ trước ngày 30/5/2018 nhưng vợ chồng bà T đã không nhận thư .

Nay bà Nguyễn Thị Y khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đ H, tỉnh Quảng Ninh giải quyết buộc vợ chồng bà T phải thanh toán tiền nợ gốc là 178.775.600đ (một trăm bảy mươi tám triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn sáu trăm đồng). Không yêu cầu tính lãi cho đến thời điểm xét xử.

Chứng cứ của nguyên đơn cung cấp cho Tòa án gồm ba quyển sổ trong đó có quyển sổ có trang ghi nội dung số tiền mua bán vật liệu xây dựng chưa thanh toán có chữ ký của bà Hà Thị T.

Tại phiên tòa phía nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Trong quá trình giải quyết bị đơn bà Hà Thị T có quan điểm thể hiện: Vợ chồng bà có mua bán vật liệu xây dựng của bà Y từ những năm 2009, cho đến năm 2015 do không thoải mái về thái độ cộng tác làm ăn nên vợ chồng bà không mua hàng của bà Y nữa. Bà thừa nhận có nợ tiền mua bán vật liệu xây dựng của bà Y nhưng không phải là số tiền như bà Y khởi kiện vì giữa hai bên chưa thống nhất số tiền còn nợ cũng như thời gian trả nợ đồng thời thừa nhận chữ ký của mình trong sổ nợ là đúng nhưng trang sổ nợ ngày 28/6/2015 có chữ ký đó không còn giá trị vì đã bị thay đổi viết thêm chữ và đóng thêm dấu. Việc đóng dấu là diễn ra sau này và vợ chồng bà không được biết. Bà T cũng thừa nhận không sửa đổi về số tiền. Nay bà Y đòi nợ vợ chồng bà số tiền 178.775.600đ là trái quy định pháp luật. Bà Y đòi nợ với chứng cứ duy nhất giao nộp cho Tòa án là quyển sổ viết tay với trang viết tuy có chữ ký của bà

nhưng đã bị sửa chữa viết thêm chữ và đóng dấu nên không thể làm căn cứ khởi kiện vợ chồng bà số tiền còn nợ. Vợ chồng bà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi 178.775.600đ của bà Nguyễn Thị Y.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng, Tòa án nhân dân huyện Đ H thụ lý và giải quyết vụ án đúng theo quy định của pháp luật. Xác định đúng quan hệ pháp luật, cũng như tư cách tham gia tố tụng đầy đủ. Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định.

Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện đòi nợ số tiền 178.775.600đ của bà Nguyễn Thị Y đối với ông Th bà T là có cơ sở và phù hợp nên đề nghị Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Y đối với bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đều có địa chỉ nơi cư trú tại huyện Đ H, tỉnh Quảng Ninh. Vì vậy Tòa án nhân dân huyện Đ H, tỉnh Quảng Ninh là Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và áp dụng pháp luật: Bà Nguyễn Thị Y khởi kiện vợ chồng bà T trả cho bà số tiền nợ từ việc mua bán vật liệu xây dựng nên đây là *"Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"*. Do giao dịch dân sự được xác lập trước ngày 01/01/2017 nên căn cứ điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015 áp dụng các quy định về hợp đồng mua bán tài sản theo quy định tại Điều 428, Điều 438 của Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết trong vụ án này.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 28/6/2015 bà Nguyễn Thị Y đã cùng bà Hà Thị T tiến hành đối chiếu, chốt công nợ; Ngày 22/6/2016 và ngày 22/8/2016 bà T đã chuyển khoản cho bà Y tổng số tiền là 100.000.000đ để thanh toán bớt công nợ do đó số tiền còn nợ lại sẽ tính thời hiệu khởi kiện từ ngày 22/8/2016. Theo quy định tại Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện.

[4] Xét nội dung tranh chấp:

[4.1] Xét yêu cầu của người khởi kiện Nguyễn Thị Y buộc vợ chồng bà T phải trả số tiền nợ là 178.775.600đ thấy:

Giữa bà Nguyễn Thị Y và vợ chồng bà T có giao dịch mua bán vật liệu xây dựng được tiến hành từ năm 2009 cho đến năm 2015 thì vợ chồng bà T không mua vật liệu xây dựng của bà Y nữa. Trong mua bán, có lúc ông Th, bà T trực tiếp đến cửa hàng của bà Y mua và thanh toán tiền mặt, có lúc thì báo bà Y qua điện thoại về số vật liệu mình cần lấy để lái xe hoặc người cùng làm đến nhận

hàng và ký sổ nợ cho bà Y. Hai bên sau đó sẽ đối chiếu công nợ hàng tháng hoặc sau 2- 3 tháng hoặc tùy theo theo số lượng vật liệu đã lấy.Trong các buổi chốt công nợ, hai bên nếu có gì chưa khớp về số lượng hàng hoặc số tiền thanh toán thì cùng nhau làm rõ điều chỉnh và chốt số tiền công nợ vào sổ ghi chép của nhau. Việc thanh toán tiền mua hàng của vợ chồng bà T cho bà Y được thực hiện nhiều lần, lúc trả tiền mặt, lúc chuyển khoản qua tài khoản của Hợp tác xác xã nông nghiệp và dịch vụ tổng hợp Hải Tiến (Hợp tác xã Hải Tiến) vào tài khoản của Công ty TNHH thương mại Hải Y (Công ty Hải Yến). Đến đầu năm 2015, vợ chồng bà T không tiếp tục mua vật liệu xây dựng của bà Y nữa. Hai bên tiến hành chốt công nợ cuối cùng vào ngày 28/6/2015 với số tiền mua hàng vợ chồng bà T còn nợ bà Y là 278.775.600đ. Ngày 22/6/2016 và ngày 22/8/2016 vợ chồng bà T chuyển khoản trả cho bà Y tổng số tiền là 100.000.000đ. Như vậy số tiền vợ chồng bà T còn nợ bà Y là 178.775.600đ.

[4.2] Đối với số tiền vợ chồng bà T cho rằng chỉ với quyển sổ có trang văn bản ghi nội dung chốt số tiền còn nợ bà Y có chữ ký của bà Hà Thị T là không đủ căn cứ để khẳng định vợ chồng bà còn nợ số tiền như yêu cầu khởi kiện của bà Y vì quyển sổ nợ đã bị sửa chữa về hình thức là đóng thêm dấu và viết thêm chữ. Hội đồng xét xử thấy: Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa thể hiện việc hai bên chốt công nợ với nhau là việc có thật. Bà T thừa nhận đúng chữ ký của mình tại thời điểm chốt công nợ, tuy nhiên việc có viết thêm chữ, và đóng dấu nhưng không sửa chữa hay làm thay đổi số tiền còn nợ mà các bên đã thống nhất nên nó không làm thay đổi bản chất nội dung sự việc.

Hơn nữa bà Lê Thị Vinh là người làm chứng khai: Bà làm kế toán cho cửa hàng vật liệu xây dựng của bà Y từ năm 2004 cho đến nay. Việc vợ chồng bà T mua vật liệu xây dựng của bà Y bà cũng biết rõ vì bà là người đồng thời làm sổ sách kế toán cho cả bà Y và bà T. Trong quá trình mua bán hàng hóa giữa hai bên đều có ghi chép công nợ đầy đủ. Các lần chốt công nợ đều được hai bên thống nhất về số lượng, chủng loại hàng và tiền, công nợ. Nếu có gì không khớp giữa sổ sách ghi chép của hai bên thì đều được làm rõ ngay và thống nhất con số cuối cùng và hai bên tiến hành ký nhận. Ngày 28/6/2015 Bà Y cùng bà T tiến hành đối chiếu và chốt công nợ lần cuối cùng có sự chứng kiến của bà Vinh với số tiền nợ là 278.775.600đ. Sau khi trừ đi số tiền vợ chồng bà T chuyển khoản trả nợ vào tháng 6 và tháng 8 năm 2016 thì số tiền vợ chồng bà T còn nợ bà Y là 178.775.600đ. Sau thời điểm chốt công nợ bà Y đã nhiều lần đòi nợ vợ chồng bà T nhưng không được.

Về chi tiết các khoản mua bán vật liệu xây dựng của hai bên bà đã làm bảng kê cụ thể chuyển cho bà Y để giao nộp cho Tòa án. Bà cam đoan các số liệu trong bảng kê và các số liệu trong sổ ghi chép công nợ của hai bên là khớp nhau.

[4.3] Về việc bà T cho rằng Công ty Hải Yến xuất hóa đơn V.A.T vật liệu xây dựng cho Hợp tác xã Hải Tiến và nhận tiền thanh toán trừ vào công nợ của vợ chồng bà T với bà Y thì qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thấy: Bà Y là vợ ông La Quý Hải – giám đốc Công ty Hải Yến. Công ty Hải

Yến tuy là Công ty TNHH nhưng hoạt động dưới quy mô gia đình. Vợ chồng bà T khi cần hóa đơn để quyết toán hồ sơ kế toán và thuế của Hợp tác xã Hải Tiến thì yêu cầu bà Y xuất hóa đơn thì bà Y nhờ ông Hải xuất hóa đơn từ Công ty Hải Y. Công ty Hải Yến cũng thừa nhận việc xuất hóa đơn cho Hợp tác xã Hải Tiến là có nhưng không thường xuyên và nói rõ: Việc giao dịch mua bán vật liệu với vợ chồng bà T là giao dịch cá nhân của bà Y và vợ chồng bà T. Việc đối chiếu hàng hóa bà Y đã nhận từ Công ty Hải Yến để bán cho các khách hàng là việc nội bộ giữa Công ty với bà Y, còn bà Y phải có trách nhiệm thu tiền hàng đã bán về trả tiền hàng cho Công ty.

Tại bản sao biên bản hòa giải đề ngày 25/10/2018 để các đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án dân sự thụ lý số 09/2018/TLST-DS của Tòa án nhân dân huyện Đ H mà nguyên đơn cung cấp thể hiện rõ các đương sự gồm Nguyên đơn: Công ty TNHH thương mại Hải Yến; Bị đơn: Ông Trần Bá Th, bà Hà Thị T. Có cùng địa chỉ tại: thôn A, xã Q, huyện Đ H, tỉnh Quảng Ninh; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1958. Địa chỉ: Số 14, phố H, thị trấn Đ, huyện Đ H, tỉnh Quảng Ninh đều thống nhất khoản nợ 178.775.600 đồng của vợ chồng bà T là nợ đối với cá nhân bà Nguyễn Thị Y. Vì lý do đó mà Công ty Hải Yến đã rút đơn khởi kiện đòi nợ đối với vợ chồng bà T để sau đó bà Y khởi kiện đòi số tiền này với tư cách cá nhân.

Từ những chứng cứ, tình tiết và nhận định trên thì bà Nguyễn Thị Y yêu cầu vợ chồng bà T phải trả cho bà số tiền còn nợ 178.775.600đ là có căn cứ. Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 428 và Điều 438 Bộ luật Dân sự 2005 nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Y buộc ông Trần Bá Th, bà Hà Thị T phải liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Y số tiền nợ còn lại từ việc mua bán vật liệu xây dựng là 178.775.600đ (Một trăm bảy mươi tám triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn sáu trăm đồng).

[5] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì ông Trần Bá Th và bà Hà Thị T không phải đối tượng được miễn hoặc không phải chịu án phí sơ thẩm nên phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: 178.775.600đ x 5% = 8.938.000đ (Tám triệu chín trăm ba mươi tám nghìn đồng).

Số tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị Y đã nộp được hoàn trả lại.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147; Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 428 và Điều 438 Bộ luật

Dân sự 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Y về việc yêu cầu ông Trần Bá Th và bà Hà Thị T phải trả cho bà Y số tiền 178.775.600đ (Một trăm bảy mươi tám triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn sáu trăm đồng).

Buộc vợ chồng ông Trần Bá Th và bà Hà Thị T có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Y số tiền 178.775.600đ (Một trăm bảy mươi tám triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn sáu trăm đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, mà bên phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ của mình thì phải trả lãi đối với số tiền chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Về án phí:

- Buộc ông Trần Bá Th và bà Hà Thị T phải liên đới chịu 8.938.000đ (Tám triệu chín trăm ba mươi tám nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị Y số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 4.469.000đ (Bốn triệu bốn trăm sáu mươi chín nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005411 ngày 27/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Hà, tỉnh Quảng Ninh.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND huyện Đ H;
- Chi cục THADS huyện Đ H;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
Hoàng Việt Thành

(Đã Ký)

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Việt Thành